

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 66/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2018
V/v: “Ly hôn giữa chị T và anh H”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Văn Hùng.

Bà: Bùi Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa:

Bà: Trần Thị Tình - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 155/2018/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T Sinh năm: 1986(*Có mặt*)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh Lê Văn H Sinh năm: 1976 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Xóm 20, thôn Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2018 được bổ sung tại bản tự khai ngày 18/10/2018, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Lê Văn H kết hôn vào năm 2005, quá trình tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi cưới vợ chồng chung sống được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H nghiện ma túy, đánh đập

chị nhiều lần. Vợ chồng chị không thể nói chuyện được với nhau và không quan tâm chia sẻ với nhau. Chị đã động viên anh đi cai nghiện nhưng không được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn H.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Lê Thị Diễm Q sinh ngày 01/11/2007. Hiện cháu Q đang ở với anh H. Nay ly hôn, chị đề nghị nhường quyền nuôi con chung cho anh H. Về việc cấp dưỡng vợ chồng tự thỏa thuận.

Về tài sản; công nợ chung: vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/11/2018, bị đơn anh Lê Văn H trình bày: Anh và chị Trần Thị T kết hôn vào năm 2005, quá trình tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện , tỉnh Tuyên Quang. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh nghiện ma túy. Từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý. Nếu chị T kiên quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung là Lê Thị Diễm Q sinh ngày 01/11/2007. Hiện cháu đang ở cùng anh. Nếu phải ly hôn anh đề nghị nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản; công nợ chung: vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Văn H vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng, quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị T và anh Lê Văn H; Giao con chung là Lê Thị Diễm Q sinh ngày 01/11/2007 cho anh H nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị T phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Chị Trần Thị T và anh Lê Văn H kết hôn với nhau vào ngày 19 tháng 05 năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống do anh H nghiện ma túy dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Từ năm 2011 cho đến nay vợ chồng đã ly thân, không ai quan tâm, chăm sóc gì đến ai. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ và xin ly hôn với anh H. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị T và anh H nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T với anh Lê Văn H.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Diễm Q sinh ngày 01/11/2007. Hiện cháu đang ở cùng anh H và mẹ anh H. Căn cứ vào nguyện vọng của các đương sự cũng như ý kiến của cháu Q, Hội đồng xét xử thấy để đảm bảo sự ổn định nên giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T có quyền thăm nom con chung sau ly hôn không ai được cản trở quyền này.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị cùng xác định vợ chồng không có vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Lê Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Lê Văn H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Thị Diễm Q sinh ngày 01/11/2007 cho anh Lê Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp

nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Chị Th có quyền thăm nom con chung sau ly hôn, không ai được cản trở quyền này.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0002110 ngày 18/10/2018.

4.Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Lê Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- UBND xã L, huyện S; tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự,
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mạnh Cường

